

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DSST
Ngày: 18-01-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Ông Nguyễn Hồng Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2966/2021/TLST-DS, ngày 18/3/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS, ngày 12/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-DS, ngày 03/01/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1978, có đơn xin vắng;
Nơi cư trú: Ấp Ô Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
2. *Bị đơn:* Bà Kim Thị Sa R, sinh năm 1968, vắng mặt không lý do;
Ông Thạch S, sinh năm 1961, vắng mặt không lý do;
Cùng cư trú: Ấp Ô Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Vào ngày 05/02/2020, bà Kim Thị Sa R có tổ chức khui rất nhiều dây hụi, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 3.000.000 đồng, nửa tháng khui 01 lần, chị tham gia trong 14 dây hụi, mỗi dây gồm có 15 phần, chị tham gia 01 phần, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho chị theo dõi, tên trong danh sách hụi là Ch, huê hồng đầu thảo hương là 900.000 đồng/lần hốt. Tất cả các dây hụi mà chị L tham

gia, chị đã đóng hụi sống đến lần khai thứ 7, đến lần khai thứ 8 thì bà Sa R úp hụi không khai hụi tiếp. Cụ thể từng dây hụi như sau: Dây hụi số 2, chị đóng hụi sống bằng 6.650.000 đồng; Dây hụi số 3, chị đóng hụi sống bằng 6.470.000 đồng; Dây hụi số 4, chị đóng hụi sống bằng 6.400.000 đồng; Dây hụi số 5, chị đóng hụi sống bằng 6.330.000 đồng; Dây hụi số 8, chị đóng hụi sống bằng 6.730.000 đồng; Dây hụi số 9, chị đóng hụi sống bằng 6.780.000 đồng; Dây hụi số 10, chị đóng hụi sống bằng 6.850.000 đồng; Dây hụi số 11, chị đóng hụi sống bằng 6.800.000 đồng; Dây hụi số 12, chị đóng hụi sống bằng 6.620.000 đồng; Dây hụi số 13, chị đóng hụi sống bằng 6.940.000 đồng; Dây hụi số 14, chị đóng hụi sống bằng 7.170.000 đồng; Dây hụi số 15, chị đóng hụi sống bằng 7.170.000 đồng; Dây hụi số 16, chị đóng hụi sống bằng 7.260.000 đồng; Dây hụi số 27, chị đóng hụi sống bằng 7.360.000 đồng. Tổng cộng chị đóng hụi sống với số tiền 95.530.000 đồng. Sau khi bẻ hụi, bà Sa R có gửi trả cho chị được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 85.530.000 đồng đến nay chưa trả. Chồng bà Sa R là ông Thạch S biết việc bà R mở hụi. Chị L yêu cầu bà Sa R cùng ông Thạch S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền hụi mà chị đã góp bằng 85.530.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải vụ án, chị Trần Thị L có làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ của bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S. Tòa án có ban hành Quyết định số: 01/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 12/11/2021 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản: Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.200m² nằm trong diện tích đất 3.130,1m² thuộc thửa 838, tờ bản đồ số 22, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp Ô Tr, xã H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do ông Thạch S và bà Kim Thị Sa R đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với bị đơn bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà R, ông S không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên thống nhất, không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân

sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ biểu phùng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Sa R cùng ông Thạch S có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hộ cho chị H với số tiền 85.530.000 đồng, không phải trả lãi. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời, về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L vắng mặt có đơn xin vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật; Bị đơn bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, bà Sa R, ông S.

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hộ”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào Điều, 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị L yêu cầu bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S trả tiền hộ sống đã đóng 07 lần trong 14 dây hộ mở ngày 05/02/2020, loại hộ 3.000.000 đồng bằng 85.530.000 đồng, hộ nửa tháng khai 01 lần. Chị L không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, qua các tài liệu, chứng cứ mà chị Hai cung cấp và lời xác nhận của những hộ viên tham gia góp hộ cùng chị L như chị Thạch Thị P, chị Thạch Thị Ng, chị Thạch Thị Sa Q, chị Thạch Thị Chai D thì việc chị L tham gia hộ do bà Sa R làm chủ đầu thảo loại hộ 3.000.000 đồng vào ngày 05/02/2020, hộ nửa tháng khai 01 lần là có thật.

[4] Đối với bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với chị Trần Thị L nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà chị L đã nộp gồm: Đơn khởi kiện, danh sách hộ viên thể hiện bà Sa R là chủ hộ trong các dây hộ chị L khởi kiện để bà R, ông S có ý kiến hoặc phản hồi về những chứng cứ mà chị L đã nộp. Mặc khác, bà R, ông S cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của chị L về việc buộc bà R, ông S trả số tiền hộ sống còn nợ 85.530.000 đồng. Xét thấy, việc bà Sa R ngưng khai hộ là vi phạm nghĩa vụ của chủ hộ, khi chủ hộ không khai hộ tiếp thì chủ hộ phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền hộ sống mà hộ viên đã góp hộ. Ông Thạch S và bà Sa R là vợ chồng, việc góp hộ giữa bà Sa R và chị L diễn ra ông S sống cùng nhà biết nhưng không phản đối nên căn cứ vào Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ biểu phùng và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L là hoàn toàn có căn cứ, chị Trần Thị L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] Căn cứ vào nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP, ngày 24/9/2020, hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự, do yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

[6] Xét thấy ông Thạch S thuộc diện người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên buộc bà Sa Rây và ông S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 42, 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội biểu phường;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP, ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

Buộc bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị L số tiền hội sống mà chị Hai đã góp bằng **85.530.000** đồng. Chị Trần Thị L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S phải chịu 4.276.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho chị Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.388.500 đồng theo các biên lai thu tiền từ số 0002013 đến số 0002026, cùng ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Trinh

